THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2306/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1281/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Các nội dung đã và đang thực hiện theo Quyết định số 1281/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật vào Chương trình thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và thành phố Huế;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục,Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ 15

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 2306/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Căn cứ các quan điểm, mục tiêu, phương hướng và giải pháp tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 613/QĐ-TTg; theo đó, đến năm 2030, Bắc Trung Bộ là vùng phát triển nhanh, năng động, bền vững, mạnh về kinh tế biển, phấn đấu mức thu nhập bình quân đầu người của vùng đạt mức trung bình cao, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn của cả nước, các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực, các trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm khu vực và quốc tế; các giá trị văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

b) Xác định tiến độ và nguồn lực triển khai các dự án quan trọng quốc gia trên địa bàn vùng, đáp ứng mục tiêu, định hướng theo điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước và khả năng cân đối, huy động nguồn lực.

Đồng thời, nhằm cụ thể hóa mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá cũng như phương hướng phát triển và phân bố không gian các ngành có lợi thế của vùng; phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng; phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng... bằng những nhiệm vụ cụ thể, thiết thực để khơi thông nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn trong quá trình triển khai thực hiện; là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra tại Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phát huy vai trò kiến tạo, chỉ đạo tập trung của Chính phủ, sự phối hợp đồng bộ, có trách nhiệm của từng bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; làm cơ sở để các cấp, các ngành xây dựng, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tuân thủ nội dung điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt, các chương trình, kế hoạch có liên quan; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, đồng bộ giữa các nhiệm vụ, chương trình của các ngành, các địa phương trong vùng.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt trong tổ chức thực hiện; phù hợp với khả năng huy động nguồn lực và yêu cầu phát triển của từng giai đoạn; ưu tiên các nhiệm vụ, chương trình, dự án có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển vùng.

c) Huy động tối đa các nguồn lực của Nhà nước, khu vực tư nhân và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện quy hoạch; phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa đầu tư công và đầu tư ngoài nhà nước, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công trong phát triển kết cấu hạ tầng và thúc đẩy liên kết vùng và quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và địa phương theo hướng giá trị cao và hiệu quả cao.

d) Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; bảo đảm công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình thực hiện quy hoạch; kịp thời rà soát, cập nhật các nhiệm vụ, chương trình, dự án phù hợp với tiến độ thực hiện và yêu cầu phát triển của vùng.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng cấp vùng, liên vùng như giao thông, cảng biển, sân bay, cấp nước, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và du lịch.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm

a) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, chương trình, dự án ưu tiên theo định hướng của điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 613/QĐ-TTg.

- Xác định rõ lộ trình triển khai, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với từng nhóm nhiệm vụ, chương trình, dự án.

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án có tính liên kết vùng, các dự án kết cấu hạ tầng chiến lược, các dự án phục vụ phát triển vùng động lực, hành lang kinh tế, trung tâm đầu mối và các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái của vùng

- Tăng cường cơ chế phối hợp, điều phối vùng; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công trong thu hút nguồn lực xã hội và đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; kịp thời rà soát, cập nhật và đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu phát triển đã đề ra.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu theo điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 613/QĐ-TTg là cơ sở để các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương thuộc vùng đánh giá việc thực hiện quy hoạch; mục tiêu cụ thể như sau:

+ Về kinh tế:

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt trên 10,5% giai đoạn 2026 - 2030; tỷ trọng GRDP của khu vực dịch vụ đạt khoảng 36,8%, khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 47,7%, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản khoảng 10,8%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng

5,7%. GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng trên 7.000 USD.

Phát triển hệ thống đô thị bền vững, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47 - 48%; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững và gắn với đô thị hóa; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 65% (theo chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030), trong đó 9 - 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại; phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trên cơ sở tăng cường hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, chuyển đổi số; phấn đấu đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP.

+ Về văn hóa - xã hội:

Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt cao hơn mức trung bình cả nước, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng với miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, bãi ngang, hải đảo; sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện; tốc độ tăng dân số bình quân khoảng 0,9%/năm.

Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo 75 - 80%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục, phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia là khoảng 65 - 75%, tiểu học đạt 75 - 85%, trung học cơ sở đạt 70 - 80%, trung học phổ thông đạt 60 - 70%.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo đại học và dạy nghề một số ngành học, bậc học cao hơn mức bình quân chung của cả nước, phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục; phấn đấu đến năm 2030 đạt 40 giường bệnh và 15 bác sĩ trên 01 vạn dân; đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, phát triển các loại hình bảo hiểm sức khỏe; phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: trung tâm văn hóa hoặc trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng và thư viện; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 giảm khoảng 1 - 1,5%/năm.

+ Về môi trường:

Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 57,0% và nâng cao chất lượng rừng; tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; trong đó tỷ lệ xử lý thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 40%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 88%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, kết hợp tái sử dụng đạt trên 50%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động

có hệ thống xử lý nước thải tập trung; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%, trong đó tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%;

+ Về phát triển kết cấu hạ tầng:

Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, trong đó hình thành mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông kết nối đa phương thức bao gồm các trục giao thông đường bộ Bắc - Nam, Đông - Tây, cảng biển, cảng hàng không, một số tuyến đường sắt đô thị kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia; phát triển hạ tầng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió, hydro xanh...), hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng đô thị, nhất là đô thị khu vực ven biển, hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, các hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng xã hội trên địa bàn vùng theo các quy hoạch quốc gia được phê duyệt.

+ Về quốc phòng, an ninh:

Bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, quyền, chủ quyền biển, đảo; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của vùng.

(Chi tiết các cơ quan được giao chủ trì, phối hợp theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu được nêu tại Phụ lục I)

b) Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng gắn với thiết lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; theo đó, đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh bền vững; tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, có vai trò nền tảng và động lực của vùng; phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, hình thành các trung tâm logistics hiện đại gắn với không gian phát triển mới, các cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp và các trục hành lang kinh tế.

Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng; phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững các ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy, hải sản.

Phát triển kinh tế biển nhanh, bền vững, trở thành một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của vùng; đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực y tế,

giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, công nghiệp văn hóa, thể thao và các dịch vụ xã hội chất lượng cao, phát huy vai trò và thúc đẩy liên kết của của các trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong vùng, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và chuyển giao công nghệ phục vụ trực tiếp cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của vùng.

- Hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phù hợp các quy hoạch cấp quốc gia; phát triển mạng lưới giao thông (bao gồm các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy nội địa quốc gia, hàng hải, cảng hàng không, sân bay, cảng cạn) bảo đảm kết nối hiệu quả nội vùng, liên vùng và quốc tế theo hướng đa phương thức, hiện đại, kết nối hiệu quả nhằm nâng cao năng lực vận tải, trung chuyển và liên kết vùng, quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện theo các Quy hoạch ngành được phê duyệt.

Phát triển hạ tầng năng lượng và hoàn thiện mạng lưới điện đồng bộ, hiện đại theo Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt; phát triển đồng bộ, đa dạng hóa các loại hình nguồn điện, đẩy mạnh chuyển dịch năng lượng, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió, hydro xanh...), năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, thủy điện tích năng), phát triển nhiệt điện khí, điện khí LNG cũng như hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu gắn với các khu kinh tế và cảng biển lớn của vùng bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp, đô thị và kinh tế biển của vùng theo hướng hiện đại, an toàn, thông minh, bảo đảm cung ứng đủ năng lượng cho sản xuất và đời sống.

Phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên lưu vực sông gắn với đơn vị hành chính, thống nhất với quy hoạch quốc gia; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn dân cư, thích ứng với biến đổi khí hậu, tổ chức không gian cấp nước, tưới, tiêu và phòng chống thiên tai theo các lưu vực sông chính, bảo đảm tính đồng bộ trong quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công trình liên tỉnh, liên lưu vực và ưu tiên đầu tư các hồ chứa lớn, hồ chứa có khả năng điều tiết liên vùng.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng thông tin và truyền thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững, trở thành nền tảng quan trọng cho chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, bảo đảm kết nối thông suốt giữa các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và vùng nông thôn, miền núi, biên giới; nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Phát triển đồng bộ mạng lưới kết cấu hạ tầng xã hội nhất là mạng lưới y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội trên địa bàn vùng, trong đó các cơ sở hạ tầng cấp quốc gia thực hiện theo các quy hoạch ngành được phê duyệt; ưu tiên đầu tư, nâng cao chất lượng mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và trợ giúp xã hội.

- Phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam, phát triển hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông trên cơ sở cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đường sắt tốc độ cao trong tương lai và phát triển hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Tây nhằm thúc đẩy phát triển, liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh. Mở rộng, phát triển đô thị và hệ thống khu, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ, du lịch gắn với các đô thị trung tâm tỉnh, tiểu vùng và vùng; Phát triển các hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm kết nối hiệu quả các cảng biển, khu kinh tế, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị ven biển, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng.

- Xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm phát triển công nghiệp của vùng và cả nước, trở thành vùng động lực quốc gia; tập trung phát triển các tiểu vùng (bao gồm tiểu vùng phía Bắc gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, tiểu vùng phía Nam gồm Quảng Trị và thành phố Huế).

- Phát triển hệ thống đô thị vùng Bắc Trung Bộ theo hướng bền vững, đa trung tâm, thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu; gắn với các hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây; phát triển hệ thống đô thị theo mô hình mạng lưới đa trung tâm, phân tầng hợp lý giữa đô thị cấp vùng, đô thị trung tâm tỉnh, đô thị động lực tiểu vùng và các đô thị vệ tinh; bảo đảm cân bằng giữa ven biển, đồng bằng, trung du, miền núi, giữa các cực phát triển lớn với các trung tâm hỗ trợ vùng nông thôn, miền núi và biên giới.

Tập trung phát triển ba trung tâm vùng chủ đạo (đô thị Thanh Hóa, đô thị Vinh và thành phố Huế) gắn kết chặt chẽ phát triển đô thị với tái cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược; phát triển các đô thị động lực cấp tiểu vùng, tăng cường liên kết đô thị, nông thôn, vùng sinh thái; hình thành chuỗi "đô thị - trung tâm xã - cụm làng - vùng sản xuất" tạo điều kiện để người dân nông thôn tiếp cận tốt hơn hạ tầng và dịch vụ đô thị.

- Quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản, biển và đa dạng sinh học; gắn với bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ rừng đầu nguồn, kiểm soát ô nhiễm và bảo đảm an ninh nguồn nước trên các lưu vực sông của vùng. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên điều tiết hồ

chứa cắt, giảm lũ, nâng cấp đê điều, công trình tiêu thoát nước bảo đảm an toàn cho người dân, hạ tầng và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả liên kết nội vùng, liên vùng để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng; đẩy mạnh liên kết giữa các địa phương liền kề trong vùng, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới sau sáp nhập, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

- Tập trung xây dựng thế trận và các tiềm lực trong khu vực phòng thủ vùng Bắc Trung Bộ vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, tạo môi trường ổn định cho phát triển bền vững vùng Bắc Trung Bộ.

2. Các giải pháp chủ yếu

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

a) Giải pháp về cơ chế, chính sách bảo đảm liên kết vùng

- Thực hiện tốt công tác tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch, bảo đảm phát huy hiệu quả liên kết phát triển vùng theo quy hoạch được phê duyệt; kịp thời rà soát, điều chỉnh, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Kiện toàn tổ chức điều phối vùng phù hợp với phạm vi vùng; hoàn thiện thể chế liên kết vùng Bắc Trung Bộ theo hướng nâng cao vai trò, trách nhiệm của các địa phương trong Hội đồng điều phối vùng; tăng cường phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong vùng bảo đảm sự điều phối thống nhất của trung ương và Hội đồng điều phối vùng trong các vấn đề mang tính liên tỉnh, liên vùng.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cộng đồng dân cư tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của vùng; phát triển các cụm ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch, dịch vụ gắn với liên kết vùng và liên kết đô thị - nông thôn.

b) Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tăng cường thu hút đầu tư tư nhân trong nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế; ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để triển khai các chương trình, dự án mang tính

liên kết vùng, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị, hạ tầng số và hạ tầng xã hội trọng điểm trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ.

- Bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thiết kế, thử nghiệm trong các lĩnh vực thế mạnh của vùng như công nghệ sinh học, công nghệ số, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển tại một số địa phương có tiềm năng và lợi thế về nhân lực, cơ sở đào tạo như Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế, góp phần hình thành các hạt nhân đổi mới sáng tạo vùng Bắc Trung Bộ.

- Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học, bệnh viện vùng và các cơ sở cung cấp dịch vụ công khác trên địa bàn vùng, gắn với cơ chế đặt hàng, đấu thầu công khai, minh bạch; khuyến khích huy động thêm các nguồn vốn xã hội, đối tác công - tư (PPP) tham gia đầu tư, nâng cấp các cơ sở này.

c) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế lợi thế của vùng Bắc Trung Bộ như kinh tế biển, logistics, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo; tăng cường thu hút lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo nguồn nhân lực giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong vùng và các tổ chức, quỹ quốc tế, tổ chức phát triển.

- Xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp; mở rộng, nâng cấp các trung tâm giáo dục, đào tạo tại một số đô thị trung tâm như Thanh Hóa, Vinh, thành phố Huế; tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề có uy tín trong nước và quốc tế, đặc biệt tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được hình thành từ khu vực kinh tế phi chính thức như hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo tăng cường hợp tác với doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, tổ chức đào tạo tại chỗ; thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn chặt với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Tăng cường công tác thu thập thông tin, phân tích và dự báo cung - cầu lao động trên địa bàn vùng; chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động, nhất là lao động nông thôn, khu vực miền núi, biên giới và ven biển.

d) Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

- Thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách và biện pháp quản lý, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương; quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, khoáng sản và tiềm năng năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, sinh khối); tăng cường quản lý tập trung, đồng bộ đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế, áp dụng các công nghệ xử lý tiên tiến, thân thiện môi trường.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của vùng; xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hạ tầng khoa học và công nghệ hiện đại, đồng bộ, gắn với các chuỗi giá trị nội vùng, liên vùng và toàn cầu, các cụm liên kết ngành của vùng; tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết nội vùng, liên vùng về khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển, nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ thống hạ tầng khoa học và công nghệ hiện đại, đồng bộ với sự tham gia chủ động, tích cực của các ngành, các cấp; phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng cường gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu công nghiệp, khu kinh tế, doanh nghiệp trên địa bàn vùng.

đ) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, quản trị, quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn; rà soát, bổ sung hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch và thiết kế đô thị, điểm dân cư nông thôn theo hướng cập nhật các xu thế mới như tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, đô thị nén, phát triển bền vững, thích ứng với bão, lũ, nước biển dâng đặc thù vùng ven biển và trung du, miền núi Bắc Trung Bộ; tiến hành kiểm soát phát triển không gian đô thị theo hướng nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển; thực hiện tiếp cận tổng thể, đa ngành trong quản lý xây dựng.

- Bảo tồn, phát huy các mô hình cộng đồng định cư truyền thống thích ứng với thiên tai, thân thiện với môi trường (làng ven biển, làng ven sông, bản vùng cao...); nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng mô hình nông thôn mới kiểu mẫu phù hợp với điều kiện từng tiểu vùng (ven biển, đồng bằng, trung du, miền núi, biên giới) gắn với phát triển kinh tế nông thôn, làng nghề, du lịch cộng đồng; cải thiện sinh kế và điều kiện sống cho cư dân nông thôn; ưu tiên phát triển hạ tầng thiết yếu, dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nước sạch, văn hóa, thông tin) theo quy mô, đặc điểm dân cư của từng khu vực; gắn phát

triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn với chuỗi giá trị đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển trong vùng Bắc Trung Bộ.

e) Giải pháp về tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức triển khai điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật, tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên của vùng.

- Kiện toàn tổ chức điều phối vùng phù hợp với phạm vi vùng, hình thành Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ; Hội đồng điều phối vùng có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách và kế hoạch triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng, tổ chức liên kết liên tỉnh theo thứ tự ưu tiên, hướng tới phát triển vùng Bắc Trung Bộ nhanh và bền vững.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, dự án được phân cấp theo quy định; khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin về hợp tác, liên kết đầu tư, bao gồm định hướng đầu tư, danh mục các chương trình, dự án liên kết kêu gọi đầu tư trên địa bàn vùng.

- Hoàn thiện, cập nhật và vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch, tài nguyên, môi trường, tình hình biến đổi khí hậu và các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng Bắc Trung Bộ, làm cơ sở cho công tác giám sát, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch khi cần thiết.

3. Triển khai các chương trình, dự án dự kiến

Việc triển khai dự kiến danh mục các chương trình, dự án dự kiến tại Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phải bảo đảm nguyên tắc:

a) Bảo đảm tính đồng bộ, liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương. Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn.

b) Ưu tiên vốn đầu tư công cho các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn có tính chất vùng, liên tỉnh; đầu tư các công trình có sức lan tỏa cao, giải quyết nhu cầu thiết yếu, các nút thắt của vùng, mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội cao cho toàn vùng. Phát huy vai trò dẫn dắt của vốn đầu tư công để kích hoạt, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia các công trình đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

c) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

(Dự kiến danh mục các chương trình, dự án quan trọng trong Chương trình thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ được nêu tại Phụ lục II. Các chương trình, dự án được nêu tại Phụ lục II là các chương trình, dự án có tính chất định hướng. Việc đánh giá sự phù hợp của chương trình, dự án cụ thể với quy hoạch được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch và các pháp luật khác có liên quan.).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiện toàn Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ

- Kiện toàn Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ phù hợp với phạm vi vùng; Hội đồng điều phối vùng có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng theo thứ tự ưu tiên để phát triển bền vững vùng Bắc Trung Bộ.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch vùng, cơ chế điều phối, liên kết vùng trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Huy động nguồn lực trong nước, quốc tế, điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án để triển khai thực hiện quy hoạch vùng; hoạt động xúc tiến đầu tư chung của vùng.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung Bộ

- Nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, cơ quan trung ương và của địa phương mình; kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương mình.

- Triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án theo phân công tại Quyết định này, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

- Kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với Bộ Tài chính đánh giá thực hiện quy hoạch theo định kỳ 05 năm; đánh giá đột xuất hoặc khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh quy hoạch.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có liên quan đánh giá thực hiện quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo định kỳ 05 năm; đánh giá đột xuất hoặc khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh quy hoạch.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình thực hiện, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng chủ động đề xuất, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Kèm theo Chương trình tại Quyết định số 2306 /QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) giai đoạn 2026 - 2030	%/năm	10,5	Bộ Tài chính
2	Cơ cấu kinh tế			Bộ Tài chính
2.1	Tỷ trọng khu vực dịch vụ	%	36,8	
2.2	Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng	%	47,7	
2.3	Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	10,8	
3	Tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	30 - 35	Bộ Công Thương
4	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	1 - 1,5%	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	GRDP bình quân đầu người	USD	7.000	Bộ Tài chính
6	Tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GRDP	%	30	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ đô thị hoá	%	47 - 48	Bộ Xây dựng
8	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	65	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị	%	100	Bộ Xây dựng
10	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch	%	80	Bộ Xây dựng
11	Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	60 - 70	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Tốc độ tăng dân số	%/năm	0,9	Bộ Y tế
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	35 - 40	Bộ Nội vụ
14	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	40	Bộ Y tế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		bệnh		
15	Số bác sỹ/vạn dân	Người	15	Bộ Y tế
16	Tỷ lệ che phủ rừng	%	57	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
17	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	95	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
18	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	88	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn	%	98	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
20	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%	100	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÙNG BẮC TRUNG BỘ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 613/QĐ-TTg NGÀY 04 THÁNG 4 NĂM 2026

(Kèm theo Chương trình tại Quyết định số 2306 /QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
I	**Phát triển công nghiệp**							
1	Xây dựng, mở rộng và phát triển hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu hiện có và các khu kinh tế phát triển mới khi đủ điều kiện theo quy định; ưu tiên tập trung phát triển công nghiệp dọc hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông và các hành lang kinh tế Đông - Tây, gắn với các khu kinh tế, cảng biển Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Hòn La, Vũng Áng, Chân Mây - Lăng Cô; từng bước mở rộng không gian công nghiệp về phía Tây của tuyến cao tốc Bắc - Nam.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
2	Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu tại Thanh Hoá	UBND tỉnh Thanh Hóa	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
3	Ưu tiên phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo tại các địa phương trong vùng; nghiên cứu sản	UBND các tỉnh, thành phố trong	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
	xuất hydrogen xanh, amoniac xanh tại các khu vực có điều kiện phù hợp.	vùng						
II	**Phát triển dịch vụ**							
1	Các chương trình, dự án và đề án phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển (Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Lăng Cô)	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
2	Các chương trình, đề án và phát triển du lịch di sản - văn hóa - lịch sử (Thành Nhà Hồ, Kim Liên, Phong Nha - Kẻ Bàng, cố đô Huế, Thành cổ Quảng Trị), du lịch sinh thái hang động Phong Nha - Kẻ Bàng, du lịch tâm linh và phát triển công nghiệp văn hóa gắn với di sản, lễ hội tại các tỉnh, thành phố thuộc vùng	UBND các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, TP. Huế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
3	Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, hình thành và phát triển kết cấu hạ tầng logistics đồng bộ, hiện đại tại các địa phương trên địa bàn vùng, thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dịch vụ logistics và chất lượng dịch vụ logistics trong phát triển dịch vụ logistics	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
4	Phát triển thành phố Huế trở thành Trung tâm dịch vụ Logistics quốc tế[1]	UBND thành phố Huế	Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
5	Tập trung xây dựng Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế trở thành các trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng, dịch vụ y tế chuyên sâu.	UBND các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, TP. Huế	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
6	Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với di sản và lễ hội tại thành phố Huế, tỉnh Quảng Trị	UBND thành phố: Huế, tỉnh Quảng Tri	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
III	**Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản**							
1	Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; xây dựng vùng chuyên canh cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn và dài ngày, rau màu có lợi thế, phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng từng địa phương trong vùng.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
2	Phát triển các trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp quốc phòng, an ninh tại các ngư trường trọng điểm, gắn với các cảng cá và khu neo đậu như Cửa Lò, Cửa Hội, Nhật Lệ, Cửa Tùng, Cửa Việt, Thuận An.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và các bộ, ngành có liên quan	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	

[1] Theo Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
3	Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển, đầm phá và hải đảo của Quảng Trị, thành phố Huế, tập trung các đối tượng có giá trị cao tại Nghệ An, Hà Tĩnh, thành phố Huế và các khu vực có tiềm năng.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
IV	**Phát triển kinh tế biển**							
1	Phát triển kinh tế biển vùng Bắc Trung Bộ nhanh, bền vững, tập trung vào các ngành dịch vụ, công nghiệp và du lịch biển, kinh tế hàng hải; phát triển các đô thị ven biển gắn với hệ thống khu kinh tế Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây - Lăng Cô.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
2	Phát triển hệ thống cảng biển và dịch vụ cảng biển tại Nghi Sơn, Hòn La, Vũng Áng, Chân Mây - Lăng Cô, Đông Hồi, Cửa Lò gắn với các khu công nghiệp, khu lọc, hóa dầu, trung tâm logistics biển.	Bộ Xây dựng và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Công Thương, và các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	
V	**Phát triển các khu chức năng**							
1	Tiếp tục tập trung thu hút đầu tư phát triển khu kinh tế trọng điểm; phát triển khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và nghiên cứu hình thành các khu thương mại tự do gắn với các khu kinh tế, cửa khẩu quốc tế, cảng biển nước sâu, trung tâm logistics và hành lang kinh tế tại các địa phương có tiềm năng, phù hợp với chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và các bộ, ngành có liên quan	Bộ Tài chính và các bộ, ngành và địa phương trong vùng có liên quan	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
2	Nghiên cứu phát triển khu công nghệ cao và khuyến khích phát triển các khu nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các địa bàn có tiềm năng và phù hợp với điều kiện thực tế; tập trung phát triển khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Nghệ An.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và các bộ, ngành có liên quan	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và địa phương trong vùng có liên quan	x	x	x	x	
3	Phát triển các khu du lịch, điểm du lịch cấp quốc gia và các khu vực trọng điểm du lịch của vùng Bắc Trung Bộ gắn với bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử; đầu tư phát triển hạ tầng, tổ chức lập Quy hoạch chung và tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng các địa điểm tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia đã được xác định trong Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
4	Xây dựng Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế trở thành trung tâm lớn của vùng về phát triển công nghiệp công nghệ số và ưu tiên xây dựng các khu công nghệ số tập trung tại Nghệ An và thành phố Huế.	UBND các tỉnh, thành phố Thanh Hóa, Nghệ An, TP. Huế	Bộ Khoa học và Công nghệ và địa phương trong vùng có liên quan	x	x	x	x	
5	Nghiên cứu phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo nhằm đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành có	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
	kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ.		liên quan					
6	Tập trung xây dựng một số trung tâm nghiên cứu, đào tạo trọng điểm, trong đó hình thành Trung tâm quốc gia về công nghệ sinh học miền Trung tại Đại học Huế.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND TP. Huế và các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	
7	Hình thành một số công trình thể thao trọng điểm (khu liên hợp thể thao, trung tâm huấn luyện thể thao) đạt tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm đầy đủ điều kiện để sẵn sàng tổ chức các sự kiện thể thao lớn của châu Á và thế giới. Xây dựng các khu liên hợp thể thao đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc tế, đặc biệt là các môn thể thao Olympic.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
8	Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, tập trung vào các di sản được UNESCO vinh danh	Các tỉnh, thành phố: TP. Huế, Thanh Hóa, Quảng Trị	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	
9	Phát triển các vùng sản xuất tập trung (Vùng sản xuất công nghiệp, nông nghiệp) trên địa bàn các tỉnh.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
VI	**Kết cấu hạ tầng kỹ thuật**							
1	**Mạng lưới hạ tầng giao thông cấp quốc gia, cụ thể:**							
1.1	Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường bộ cao tốc, tuyến quốc lộ kết nối quốc tế, liên vùng đảm bảo nhu cầu vận tải và tăng cường kết nối; tuyến đường bộ ven biển theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.	Bộ Xây dựng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
1.2	Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường sắt theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.	Bộ Xây dựng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
1.3	Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác các cảng hàng không theo Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.	Bộ Xây dựng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
1.4	Xây dựng kết cấu hạ tầng hàng hải theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng hàng hải thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.	Bộ Xây dựng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
1.5	Xây dựng kết cấu hạ tầng đường thủy theo Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.	Bộ Xây dựng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
1.6	Xây dựng, nâng cấp cảng cạn, cụm cảng cạn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt. Cụ thể phát triển hệ thống cảng cạn trên địa bàn vùng trở thành các đầu mối tổ chức vận tải, trung chuyển, phân phối hàng hóa kết hợp cung cấp dịch vụ logistics.	Bộ Xây dựng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
1.7	Nghiên cứu xây dựng, nâng cấp các tuyến đường bộ, liên tỉnh, kết nối vùng, liên vùng theo quy hoạch đã được phê duyệt							
	Tuyến kết nối Thanh Hóa - Nghệ An	UBND các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An; Bộ Xây dựng và các bộ ngành có liên quan	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
	Tuyến kết nối đô thị Vinh (Nghệ An) với đô thị Nghi Xuân (Hà Tĩnh)	UBND các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh; Bộ Xây dựng và các bộ ngành có liên quan	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
	Tuyến kết nối đô thị Hải Lăng (Quảng Trị) với thành phố Huế	UBND các tỉnh, thành phố: Quảng Trị, TP. Huế; Bộ Xây dựng và các bộ ngành có liên quan	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
2	**Hạ tầng cấp điện, cung cấp năng lượng**							
2.1	Phát triển hạ tầng năng lượng và hoàn thiện mạng lưới điện trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ đồng bộ, hiện đại theo các Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
3	**Hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai**							
3.1	Phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên lưu vực sông vùng Bắc Trung Bộ gắn với đơn vị hành chính, thống nhất với quy hoạch quốc gia.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố tròng vùng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
3.2	Xây dựng mới các hồ chứa nước, đập dâng, cống, trạm bơm phục vụ đa mục tiêu, ưu tiên cho các vùng khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt. Ưu tiên các hồ chứa lớn, hồ chứa có khả	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, TP. Huế	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
	năng điều tiết liên vùng như hồ Thác Muối (Nghệ An), Trại Dơi (Hà Tĩnh), Châu Giang, Hói Đá, Bến Đá, sông Nhùng (Quảng Trị), Ô Lâu Thượng (thành phố Huế).							
4	**Mạng lưới cấp nước**							
4.1	Phát triển mạng lưới cấp nước vùng Bắc Trung Bộ theo hướng liên kết theo lưu vực sông và liên tỉnh, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	x	x	x	x	
5	**Hạ tầng thông tin và truyền thông**							
5.1	Đầu tư các nhóm dự án hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	UBND tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	
5.2	Phát triển mạng bưu chính theo hướng hiện đại, thông minh, xanh, hình thành Trung tâm bưu chính vùng Bắc Trung Bộ tại Nghệ An.	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và UBND tỉnh Nghệ An	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
5.3	Xây dựng hạ tầng truyền dẫn dung lượng lớn, mạng lõi và trạm trung chuyển dữ liệu tại Thanh Hóa, Nghệ An và thành phố Huế, đẩy mạnh chuyển đổi sang IPv6, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số.	UBND tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, TP. Huế	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan	x	x	x	x	
VII	**Kết cấu hạ tầng xã hội**							
1	**Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo**							
1.1	Đầu tư phát triển Đại học Huế, Đại học Vinh thành cơ sở giáo dục đại học lớn, giữ vai trò trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ uy tín trong khu vực và thế giới; là hạt nhân dẫn dắt hệ sinh thái giáo dục đại học, khởi nghiệp sáng tạo và đô thị khoa học, đóng vai trò động lực cung ứng nguồn nhân lực và giải pháp khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế -xã hội, liên kết vùng bền vững[2] . Cụ thể:	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND TP. Huế, UBND tỉnh Nghệ An và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
	Phát triển Đại học Huế trở thành đại học quốc gia, theo định hướng đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND TP.	UBND thành phố Huế và các	x	x	x	x	

[2] Theo Đề án đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số cơ sở giáo dục đại học lớn ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1252/QĐ-TTg ngày 10/7/2026.

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
	vực và chuyển đổi số; giữ vai trò tiên phong, trọng điểm về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học của vùng và cả nước…	Huế	bộ, ngành có liên quan					
	Phát triển Đại học Vinh theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, là trụ cột đào tạo của vùng và hạt nhân lõi dẫn dắt hệ sinh thái giáo dục đại học, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo…	Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An và các bộ, ngành có liên quan	*x*	*x*	*x*	*x*	
1.2.	Xây dựng và nâng cấp mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các tỉnh thành phố trong vùng	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
2	**Mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe**							
2.1	Xây dựng và nâng cấp mạng lưới y tế theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Cụ thể:							
	Đầu tư phát triển Bệnh viện Trung ương Huế đạt cấp chuyên sâu mức kỹ thuật cao đạt chứng nhận chất lượng quốc tế	Bộ Y tế và UBND TP. Huế	UBND thành phố Huế và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
	Đầu tư phát triển Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đảm nhận chức năng vùng và Bệnh viện Việt Nam Cu Ba Đồng Hới	Bộ Y tế và UBND tỉnh Nghệ An, Quảng Trị	UBND tỉnh Nghệ An, Quảng Trị và các bộ,	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
			ngành có liên quan					
	Đầu tư phát triển các bệnh viện chuyên khoa Bệnh viện Ung bướu Nghệ An; Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An; Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An; Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	Bộ Y tế và UBND tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh	UBND tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
	Đầu tư nâng cấp các Bệnh viện đại học; cụ thể:Trường Đại học Y Dược Huế; Bệnh viện Trường Đại học Y Hà Nội (cơ sở Thanh Hóa)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Y tế và UBND TP Huế, UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
3	**Mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao**							
3.1	Tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại tại Trung tâm du lịch quốc gia thành phố Huế đã được xác định trong Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	UBND thành phố Huế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
3.2	Xây dựng và nâng cấp mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Cụ thể:							
	Xây dựng Trung tâm Lưu trữ quốc gia tại thành phố Huế, Thư viện Hoàng cung Huế, trung tâm triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	X	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
	văn hóa, nghệ thuật quốc gia, tổ hợp học thuật toàn cầu về kiến trúc và nghệ thuật, tổ hợp văn hóa, di sản cố đô Huế tại thành phố Huế	UBND TP. Huế						
	Tập trung đầu tư phát triển, tôn tạo, bảo tồn các di sản văn hóa, nhất là các di sản được UNESCO công nhận như Quần thể di tích cố đô Huế (thành phố Huế), Thành Nhà Hồ (Thanh Hóa), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Trị) và các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	x	
	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng các thư viện công, cộng cấp tỉnh tại các tỉnh, thành phố, trung tâm của vùng như Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế	UBND các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, TP. Huế và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành có liên quan	x	x	x	X	
3.3	Xây dựng Trung tâm phụ trợ huấn luyện nâng cao thành tích thể thao quốc gia tại Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ ngành liên quan	x	x	x	x	
3.4	Xây dựng, nâng cấp các bảo tàng cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại, trong đó có Bảo tàng cổ vật Cung đình Huế tại thành phố Huế, Bảo tàng quốc gia "Ký ức chiến tranh và khát vọng hòa bình" tại Quảng Trị, Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh	UBND các tỉnh, thành phố: TP. Huế, Quảng Trị, Hà Tĩnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ ngành liên quan	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
4	**Mạng lưới cơ sở khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**							
4.1	Xây dựng, phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Cụ thể:							
	Đầu tư phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng ứng dụng, cung cấp dịch vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành liên quan	x	x	x	x	
	Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia tại thành phố Huế, phát triển Nghệ An trở thành trung tâm khoa học và công nghệ của tiểu vùng Bắc Trung Bộ	UBND các tỉnh, thành phố: TP. Huế, Nghệ An và Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành liên quan	x	x	x	x	
	Xây dựng Trung tâm quốc gia về công nghệ sinh học tại Đại học Huế và các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tại Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị	UBND các tỉnh, thành phố: TP. Huế, Thanh Hóa, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành liên quan	x	x	x	x	
5	**Bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng**							
5.1	Đầu tư các chương trình, dự án theo Quy hoạch tổng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và	Bộ Nông nghiệp và Môi trường,	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
	thể quốc gia và Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 - 2030 được phê duyệt.	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	các bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng					
5.2	Từng bước mở rộng, thành lập mới một số khu bảo tồn trên cạn và khu bảo tồn biển theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	
5.3	Nghiên cứu mở rộng phạm vi tiếp nhận chất thải cấp vùng và liên tỉnh của Khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	
5.4	Xây dựng và vận hành hệ thống giám sát, quan trắc chất lượng môi trường vùng và liên tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	
6	**Khai thác, bảo vệ tài nguyên nước**							
6.1	Đầu tư các chương trình, dự án khai thác, bảo vệ tài nguyên nước theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	

TT	Danh mục dự kiến các chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2026 - 2030	Sau 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác	
6.2	Từng bước hoàn thiện mạng lưới quan trắc tài nguyên nước mặt và nước dưới đất trên các lưu vực sông chính của vùng Bắc Trung Bộ; xây dựng, nâng cấp các điểm, công trình quan trắc tài nguyên nước theo quy hoạch	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các bộ ngành có liên quan	x	x	x	x	

* Các chương trình, dự án được nêu tại Phụ lục II là các chương trình, dự án có tính chất định hướng. Việc đánh giá sự phù hợp của chương trình, dự án cụ thể với quy hoạch được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch và các pháp luật khác có liên quan.

** Nguyên tắc xác định các chương trình, dự án trong Chương trình thực hiện điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở: (i) Triển khai các chương trình, dự án đã chương trình, dự án dự kiến triển khai được xác định tại quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn đã được phê duyệt(hoặc phê duyệt điều chỉnh); các dự án cấp bách theo chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; (ii) Kế thừa các chương trình, dự án đang triển khai thực hiện theo Quy hoạch cũ và kế hoạch cũ; (iii) Các nội dung liên quan đến dự án tại nội dung Quyết định điều chỉnh quy hoạch vùng.